

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 65/2024/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài chính: số 28/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá; số 29/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 44/2025/TT-BTC;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 6374/TTr-STC ngày 17 tháng 9 năm 2025 và Báo cáo thẩm định số 286/BC-STP ngày 08 tháng 9 năm 2025 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh và các Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 65/2024/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh như sau:

1. Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp huyện” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã” tại điểm b khoản 1 Điều 4; điểm c khoản 2 Điều 4; khoản 1, 2 Điều 10; điểm a khoản 1 Điều 12; điểm b khoản 1 Điều 13; điểm a và b khoản 2 Điều 14.

2. Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã” tại điểm b khoản 1 Điều 12; mục 8 Phụ lục 03.

3. Sửa đổi số thứ tự 19 mục I Phụ lục 01 như sau:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Hình thức định giá	Cơ quan, đơn vị chủ trì tham mưu lựa chọn tổ chức lập phương án giá, thẩm định phương án giá và trình ban hành văn bản định giá
19	Sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương	Giá cụ thể	
19.1	Trường hợp sử dụng ngân sách nhà nước cấp tỉnh và không thuộc trường hợp tại mục 19.3		Sở quản lý ngành, lĩnh vực
19.2	Trường hợp sử dụng ngân sách nhà nước cấp xã		Ủy ban nhân dân cấp xã
19.3	Trường hợp sử dụng ngân sách nhà nước cấp tỉnh, đặt hàng cho đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã cung cấp		Cơ quan quản lý cấp trên của đơn vị sự nghiệp công lập được đặt hàng

4. Thay thế cụm từ “Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” bằng cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” tại tiết a.1 điểm a khoản 2 Điều 4; số thứ tự 8, 9, 10 mục I Phụ lục 01; số thứ tự 5, 6, 7, 8, 9 mục I phần A Phụ lục 02; số thứ tự 8, 9, 10 mục III phần A Phụ lục 02; số thứ tự 7 phần B Phụ lục 02; mục 1 Phụ lục 03.

5. Thay thế cụm từ “Sở Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” tại số thứ tự 15, 16 mục I Phụ lục 01; số thứ tự 9 phần B Phụ lục 02.

6. Thay thế cụm từ “Sở Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Sở Xây dựng” tại số thứ tự 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 mục I Phụ lục 01; số thứ tự 11, 12, 13 mục III Phụ lục 02; số thứ tự 3, 4, 5 phần B Phụ lục 02; mục 5 Phụ lục 03.

7. Thay thế cụm từ “Sở Du lịch” bằng cụm từ “Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch” tại số thứ tự 1,2 phần B Phụ lục 02.

8. Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân thành phố Hạ Long” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân các phường: Bãi Cháy, Tuần Châu” tại số thứ tự 10 phần B Phụ lục 02.

9. Chuyển các nhiệm vụ từ mục 7 Phụ lục 03 thuộc nhiệm vụ của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội lên mục 6 Phụ lục 03 thuộc nhiệm vụ của Sở Giáo dục và Đào tạo.

10. Sửa đổi số thứ tự 22 mục II Phụ lục 01 (bao gồm số thứ tự 22.1 và số thứ tự 22.2) như sau:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Hình thức định giá	Cơ quan, đơn vị chủ trì tham mưu lựa chọn tổ chức lập phương án giá, thẩm định phương án giá và trình ban hành văn bản định giá
22	Nước sạch	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể (trên cơ sở văn bản định khung giá của Bộ Tài chính)	Ủy ban nhân dân tỉnh phân công đối với từng trường hợp cụ thể (Sở Xây dựng hoặc Sở Nông nghiệp và Môi trường)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 10 năm 2025.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, tổ chức, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính (B/c);
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp (B/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (B/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Báo, phát thanh và truyền hình tỉnh, Công TTĐT tỉnh;
- V0, V1-V4, TM, TH;
- Lưu: VT, TM6.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH


Vũ Văn Điện